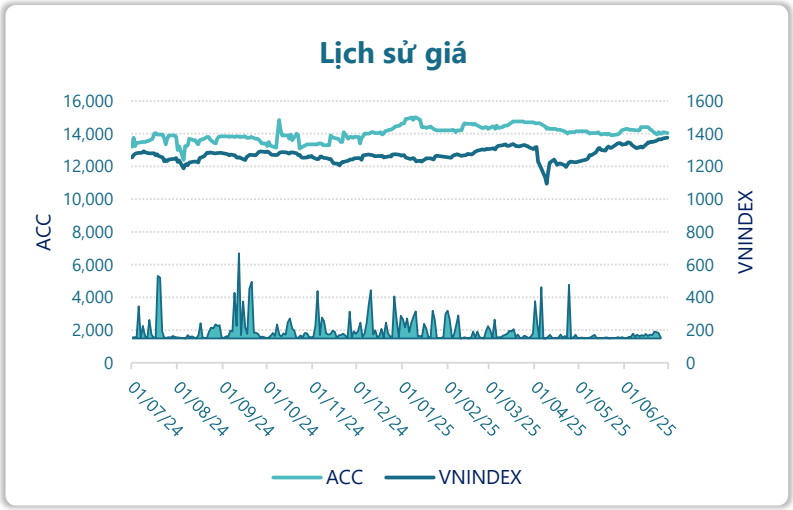
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
SL cổ phiếu LH	104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,202
% sở hữu nước ngoài	7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,475
P/E	28.8
EPS	488

DT thuần

Q2/25

197

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.0| 51.7%

YoY: ▲ 53.0| 36.9%

LN sau thuế

Q2/25

8.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.77| -8.4%

YoY: ▲ 0.89| 11.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.7%

+/- YoY: ▼ 6.1%

DT thuần

6T 2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 72.0| 28.3%

LN sau thuế

6T 2025

17.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.30| -1.5%

ROE

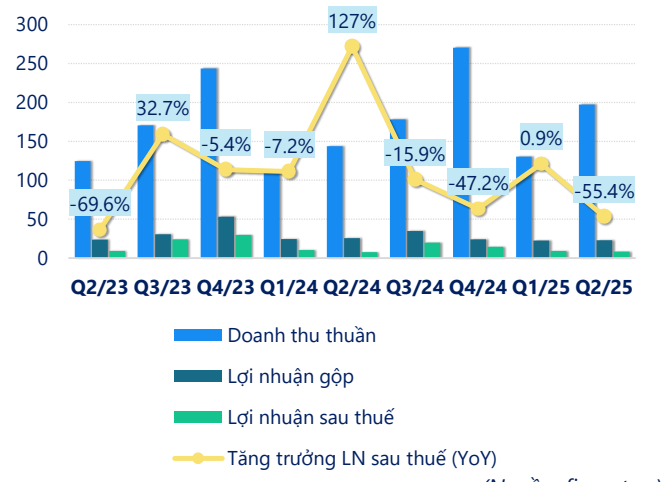
Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▼ 2.0%

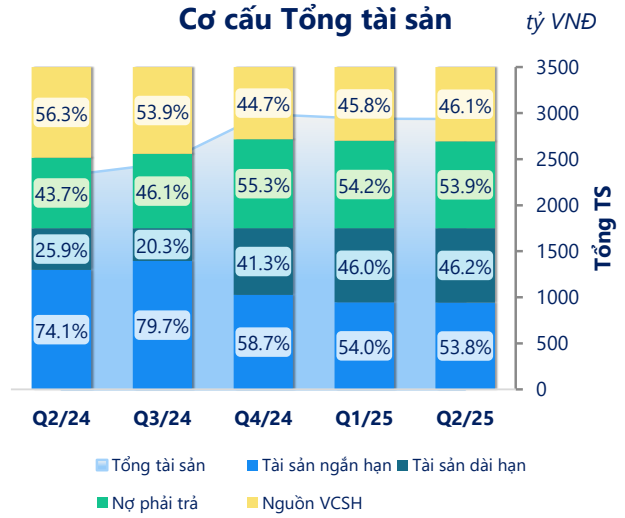
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



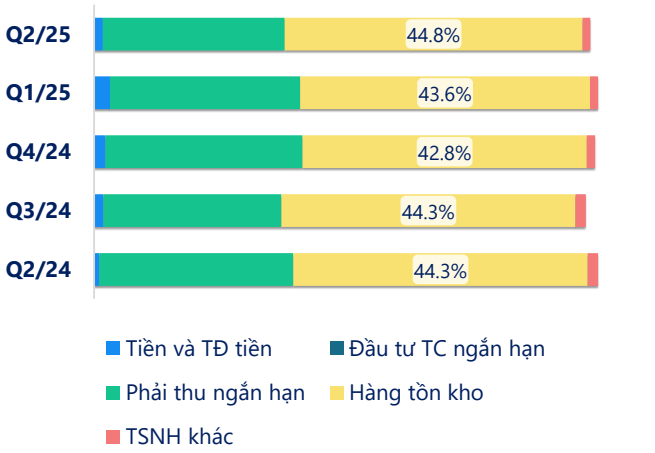
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



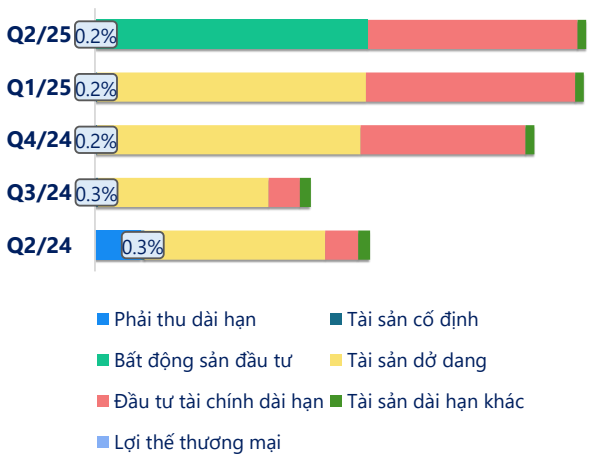
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



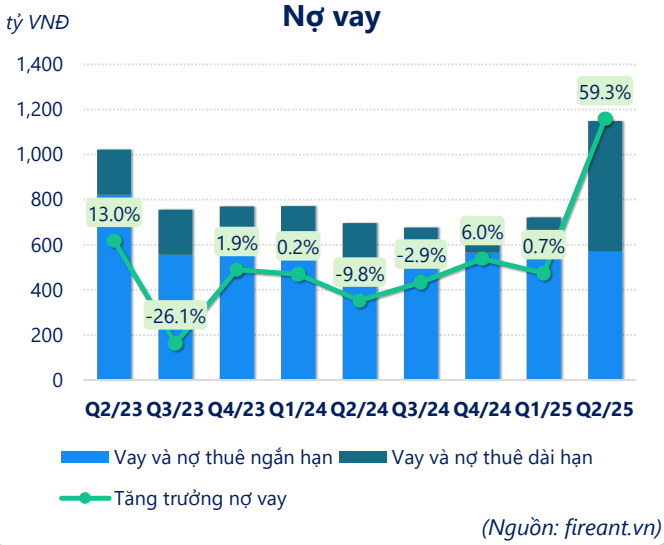
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



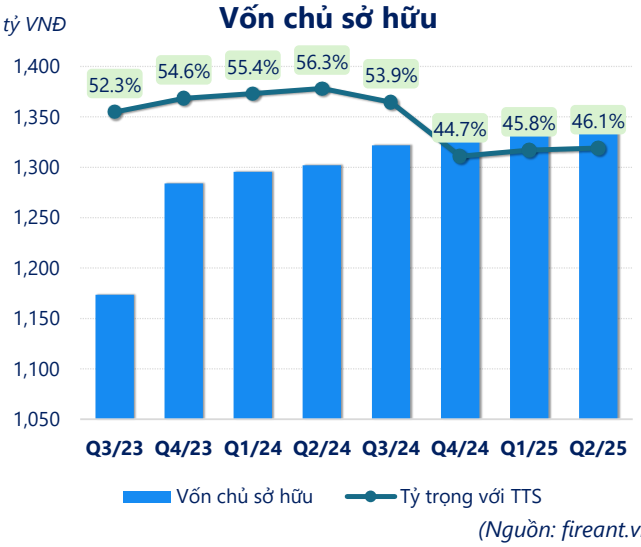
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



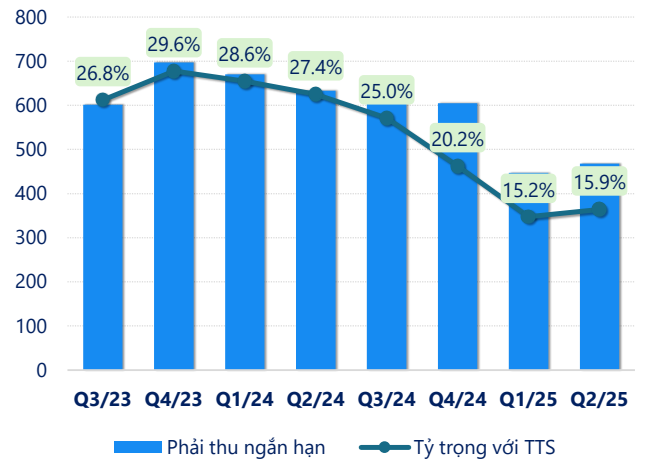
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



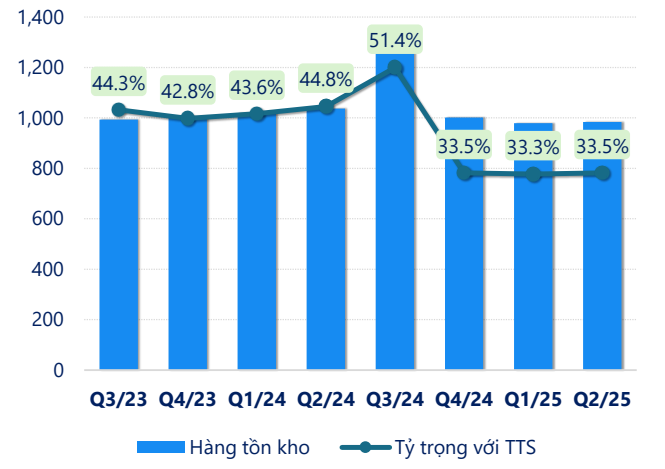
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



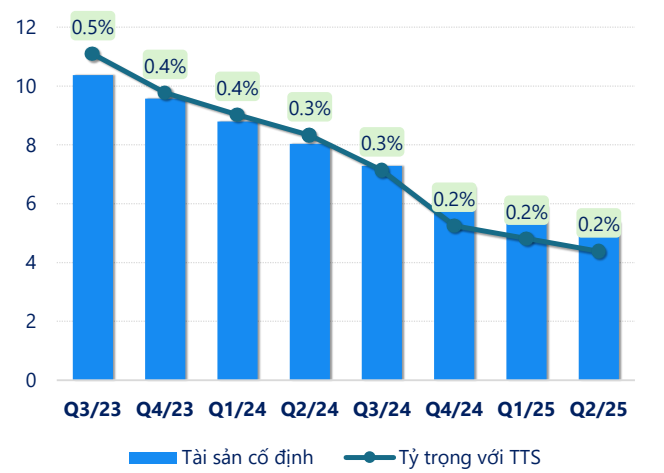
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



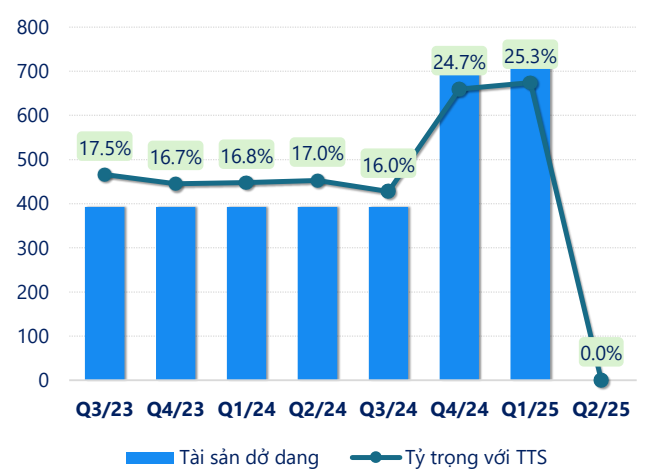
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



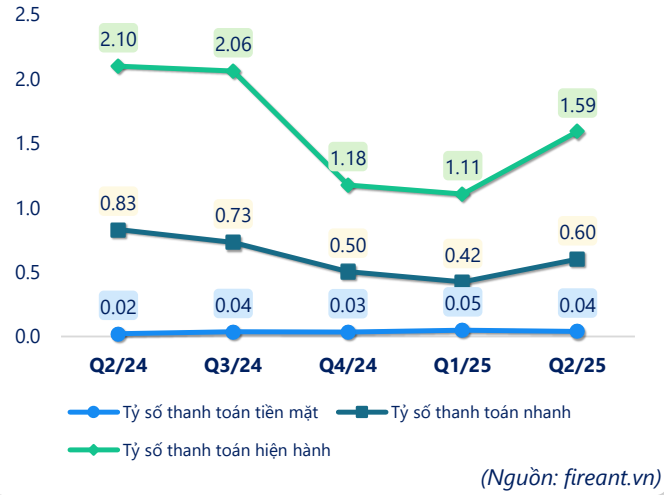
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



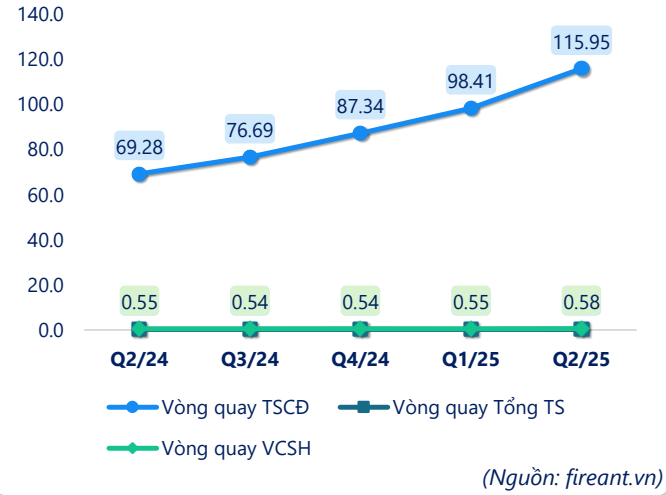
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,314**	**2,451**	**2,989**	**2,940**	**2,934**
Tài sản ngắn hạn	**1,715**	**1,953**	**1,753**	**1,588**	**1,579**
Tiền và tương đương tiền	17.7	34.2	50.8	70.0	39.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	633	612	605	447	468
Hàng tồn kho	1,037	1,260	1,002	979	983
Tài sản ngắn hạn khác	27.9	46.9	96.0	91.6	88.8
Tài sản dài hạn	**599**	**498**	**1,235**	**1,352**	**1,355**
Phải thu dài hạn	100	0	0	0	0
Tài sản cố định	8.03	7.29	6.54	5.90	5.36
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	748
Tài sản dở dang	393	393	740	743	0
Đầu tư tài chính dài hạn	72.2	72.0	464	578	578
Tài sản dài hạn khác	25.8	25.5	25.2	24.2	23.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,012**	**1,129**	**1,652**	**1,595**	**1,581**
Nợ ngắn hạn	**817**	**948**	**1,491**	**1,436**	**992**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	510	507	565	572	569
Phải trả người bán ngắn hạn	175	300	797	795	338
Nợ dài hạn	195	181	161	158	589
Vay và nợ thuê dài hạn	186	169	152	149	580
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,302**	**1,322**	**1,337**	**1,345**	**1,353**
Vốn chủ sở hữu	**1,302**	**1,322**	**1,337**	**1,345**	**1,353**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	1,050	1,050	1,050
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)